NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN MẠC CẢNH HUỐNG KHI QUYẾT ĐỊNH THEO NGUYỄN HOÀNG NAM TIẾN

BÙI VĂN HUỲNH
Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Nhận bài ngày 15/10/2026. Sửa chữa xong 10/11/2026. Duyệt đăng 14/11/2026.

Abstract

Mạc Cảnh Huống took an unusual path for a member of the Mạc royal family in sixteenth- and seventeenth-century Vietnam. He gave up the prospect of a privileged life at the Mạc court and followed Nguyễn Hoàng south, where he helped Nguyễn Hoàng and the Nguyễn lords establish their authority in the region. This article situates his decision in the historical context of mid-sixteenth-century Vietnam and examines the factors that prompted him to go south.

Keywords*: Mạc Cảnh Huống, southward expansion, war between the Northern and Southern dynasties*

1. Đặt vấn đề

Thế kỷ XVI – XVII là một trong những giai đoạn biến động dữ dội và phân liệt sâu sắc nhất trong tiến trình lịch sử dân tộc Việt Nam. Sự suy vong của triều Lê sơ, sự trỗi dậy của vương triều Mạc ở Bắc Triều cùng công cuộc trung hưng của liên minh Lê – Trịnh ở Nam Triều đã đẩy đất nước vào cuộc nội chiến kéo dài gần nửa thế kỷ. Trong vòng xoáy khốc liệt của tranh chấp vương quyền và phân chia lãnh thổ ấy, không ít nhân vật lịch sử đã buộc phải đứng trước những ngã rẽ định mệnh, đòi hỏi sự lựa chọn mang tính bước ngoặt không chỉ cho bản thân mà còn tác động đến cục diện thời cuộc. Mạc Cảnh Huống chính là một hiện tượng lịch sử đặc biệt như thế. Là con trai của Thái tông Mạc Đăng Doanh, em ruột của Khiêm vương Mạc Kính Điển – vị trụ cột quyền uy bậc nhất của Bắc Triều, Mạc Cảnh Huống vốn mang trong mình dòng máu tôn thất cao quý và nắm giữ vị thế chính trị vững chắc dưới vương triều Mạc. Tuy nhiên, vượt lên trên những ràng buộc thông thường về huyết thống và quyền lợi giai cấp, ông đã từ bỏ con đường vinh hoa nơi cung đình Thăng Long để lựa chọn hành trình Nam tiến, dấn thân vào vùng đất Thuận – Quảng xa xôi và trở thành một trong ba vị khai quốc công thần đặt nền móng cho cơ nghiệp của chúa Nguyễn ở Đàng Trong. Sự chuyển hướng từ một hoàng thân Bắc Triều sang phò tá thế lực đối lập ở phương Nam của Mạc Cảnh Huống là một quyết định táo bạo, ẩn chứa nhiều uẩn khúc và mang tính bước ngoặt trong lịch sử. Việc lý giải căn nguyên sâu xa đằng sau lựa chọn mang tính lịch sử này không chỉ giúp làm sáng tỏ chân dung, tầm nhìn và nhân cách của một bậc danh thần khai mở đất phương Nam, mà còn góp phần phản ánh sinh động những chuyển biến phức tạp trong nội tình vương triều Mạc cũng như cục diện chính trị – xã hội Đại Việt giữa thế kỷ XVI. Trên cơ sở khai thác các nguồn sử liệu chính thống và tư liệu dòng họ, bài viết tập trung phân tích một cách hệ thống các nhân tố khách quan từ bối cảnh thời đại, nội bộ hoàng tộc họ Mạc cho đến những yếu tố chủ quan thuộc về mối quan hệ thân tộc và bản tính cá nhân đã tác động, chi phối đến quyết định theo Nguyễn Hoàng đi Nam tiến của Mạc Cảnh Huống

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Bối cảnh lịch sử

Sau gần 100 năm nắm quyền cai quản đất nước, đến đầu thế kỷ XVI, chính quyền nhà Lê sơ bắt đầu có những khủng hoảng nghiêm trọng. Từ sự sa đọa của các vua Lê Uy Mục (1505 – 1509), Lê Tương Dực

Email: buihuynh12@gmal.com

(1509 – 1516) cùng với mâu thuẫn trong nội bộ triều đình nhà Lê đã cảnh báo tình trạng không thể cứu vãn của nhà Lê. Trước khủng hoảng đó, một thế lực chính trị nổi lên dần thâu tóm quyền lực trong tay là Mạc Đăng Dung. Năm 1527, Mạc Đăng Dung đã truất ngôi của vua Lê Cung Hoàng để tự lập làm vua, lấy niên hiệu là Minh Đức, lập ra triều Mạc. Sau khi lật đổ nhà Lê, Mạc Đăng Dung đã ra sức củng cố chính quyền, xây dựng cơ sở kinh tế, văn hóa, xã hội nhằm đảm bảo cho việc cầm quyền lâu dài của họ Mạc trên đất nước. Tuy nhiên, nhiều cựu thần nhà Lê đã tỏ ra không hàng phục nhà Mạc. Họ tìm nhiều cách chống đối nhà Mạc, khôi phục nhà Lê. Trong số đó, lực lượng của An Thanh hầu Nguyễn Kim là những người có nhiều điều kiện thuận lợi nhất.

Năm 1533, Nguyễn Kim cùng một số cựu thần nhà Lê đã tìm được 1 người dòng dõi Hoàng tộc nhà Lê là Lê Duy Ninh để lập lên làm vua Lê Trang Tông, gây dựng thế lực từ đất Sầm Châu (Ai Lao), bắt đầu sự nghiệp trung hưng nhà Lê.

Được tin Lê Trang Tông khởi sự ở Ai Lao, nhiều hào kiệt theo về giúp rập, bởi vậy, nhà Mạc nhiều lần cho quân đánh phá. Cuộc tranh đoạt quyền lực giữa nhà Mạc và nhà Lê dần trở nên gay cấn. Sự xuất hiện của Trịnh Kiểm đã tạo bước ngoặt trong quan hệ giữa vua Lê với họ Nguyễn, hình thành nên thế lực họ Trịnh, lấy tiếng phò Lê nhưng thực tế lấn át vua Lê, tìm cách triệt hạ ảnh hưởng của họ Nguyễn đối với Nam Triều và dẹp trừ nhà Mạc bằng mọi cách.

Bắt đầu từ năm 1539, Trịnh Kiểm được vua Lê phong làm Đại tướng quân, những người thân tín với Trịnh Kiểm như Trịnh Công Năng, Lại Thế Vinh đều được phong tước quận công (Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, 1998, tập III, tr. 121; Quốc sử quán triều Nguyễn, 1998, tập II, tr. 113). Theo đánh giá của Lê Quý Đôn thì nhà Lê "Công nghiệp trung hưng bắt đầu từ đây" (Lê Quý Đôn, 2007, tr. 345). Điều này cho thấy họ Trịnh đã bắt đầu có ảnh hưởng lớn đến chính sự Nam Triều. Năm 1545, Nguyễn Kim bị một hàng tướng nhà Mạc đầu độc chết, quyền hành rơi vào tay con rể của ông là Trịnh Kiểm. Năm 1546, Trịnh Kiểm cho xây dựng thành lũy, cung điện, lập hành tại vua Lê ở sách Vạn Lại (Thanh Hóa), xếp đặt quan lại như một triều đình, quản lý toàn bộ vùng Thanh - Nghệ. Sử cũ gọi là Nam Triều để phân biệt với Bắc Triều của nhà Mạc.

Cuộc chiến tranh Nam Triều - Bắc Triều diễn ra từ năm 1533, nhưng thực sự bắt đầu vào năm 1546, khi nhà Lê chiếm được quyền cai quản vùng Thanh -Nghệ. Cuộc chiến này kéo dài đến năm 1592 thì kết thúc với thắng lợi thuộc về Nam Triều. Trong 46 năm, cuộc chiến tranh này có thể chia thành 3 giai đoạn chính:

Giai đoạn 1546 – 1569: Ưu thế thuộc về Nam Triều.

Giai đoạn 1570 – 1583: Quân Bắc Triều phản công, đẩy Nam Triều vào thế phòng thủ.

Giai đoạn 1583 – 1592: Quân Nam triều phản công giành thắng lợi.

Những diễn biến trong giai đoạn 1 của cuộc chiến tranh có ảnh hưởng lớn nhất đến suy nghĩ và quyết định của Mạc Cảnh Huống. Năm 1546, khi nhà Lê xây dựng hành tại ở Vạn Lại thì ở Bắc Triều, vua Mạc Phúc Hải qua đời đã mở đầu cho những mâu thuẫn nội bộ nhà Mạc. Đây cũng là một trong những nguyên nhân khiến cho các cuộc tấn công của Bắc Triều không đạt được mục tiêu sớm tiêu diệt Nam Triều. Từ năm 1546 đến năm 1569, nhà Mạc đã tổ chức 5 lần tấn công quân Nam Triều nhưng đều thất bại. Trong khi đó, quân Nam Triều 10 lần tấn công ra Bắc khiến nhà Mạc lúng túng, thua trận, có khi vua Mạc còn phải rút khỏi kinh thành Thăng Long trước sức tấn công của quân Nam Triều (Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, 1998, tập III, tr. 127-139).

Mạc Cảnh Huống sinh năm 1542 (Nguyễn Phước Tương, 2002, tr. 59), giai đoạn đầu của cuộc chiến tranh (1546 – 1569) chính là thời gian ông khôn lớn, trưởng thành và thành lập gia thất. Chứng kiến những lần thua trận của quân Mạc, mặc dù khi ấy có sự chỉ huy của vị tướng tài ba là anh trai mình – Khiêm vương Mạc Kính Điển, nhưng quân Mạc vẫn không thể giành ưu thế trước quân Lê - Trịnh. Điều này đã gieo cho Cảnh Huống mối nghi ngờ về sức mạnh và khả năng giành thắng lợi của nhà Mạc. Mặc dù là người thuộc dòng dõi tôn thất nhà Mạc, nhưng rất có thể bối cảnh chiến tranh loạn lạc và sự yếu thế của nhà Mạc trước nhà Lê đã khiến cho Cảnh Huống không mấy mặn mà với vị thế Hoàng tộc nữa,

ông dần định hình cho mình 1 con đường khác - rời xa cung điện nhà Mạc để tìm chốn yên bình, gây dựng sự nghiệp riêng.

2.2. Nội tình họ Mạc

Nhà Mạc sau khi lên nắm quyền cai trị đất nước, trong giai đoạn đầu đã có nhiều cố gắng giải quyết khủng hoảng và dẹp trừ những cuộc biến loạn cuối thời Lê sơ. Những vị vua đầu triều Mạc cũng ra sức chăm lo phát triển kinh tế, quan tâm đến đời sống nhân dân. Vì vậy, khung cảnh đất nước trong những năm đầu thời Mạc đã từng được miêu tả: "Những người đi buôn bán chỉ đi tay không, không phải đem khí giới tự vệ, trong khoảng mấy năm, trộm cướp biệt tăm, súc vật chăn nuôi tối đến không phải dồn vào chuồng, cứ mỗi tháng một lần kiểm điểm thôi. Mấy năm liền được mùa, nhân dân bốn trấn đều được yên ổn" (Lê Quý Đôn, 2007, tr. 342). Tuy nhiên, trước những biến động chính trị trong nước, đặc biệt là từ khi lún sâu vào cuộc chiến tranh với Nam Triều, nhà Mạc dần tỏ rõ dấu hiệu suy yếu về chính trị, quân sự, nội bộ xảy ra nhiều mâu thuẫn phức tạp.

Năm 1546, Mạc Phúc Hải chết, con trưởng là Mạc Phúc Nguyên còn nhỏ tuổi lên kế vị, mọi việc triều chính đều giao cả cho chú là Mạc Kính Điển lo liệu. Lúc này, trong nội bộ vương triều Mạc diễn ra mâu thuẫn gay gắt: một nhóm triều thần đứng đầu là Phạm Tử Nghi viện cớ trong nước đương lúc nhiều nạn nên lập vua lớn tuổi, quyết đòi lập Mạc Chính Trung là con thứ của Mạc Đăng Dung lên ngôi. Một nhóm khác đứng đầu là Mạc Kính Điển, Nguyễn Kính quyết lập Mạc Phúc Nguyên là trưởng dòng đích của Mạc Đăng Doanh. Việc tiếm lập không, thành Phạm Tử Nghi ngầm bàn mưu với các bộ tướng nổi binh chiếm giữ Kinh thành. Mạc Kính Điển, Nguyễn Kính và Trần Phỉ phải đem quân hộ giá đưa Mạc Phúc Nguyên đang đêm vượt sông chạy về miền đông rồi hội quân đánh chiếm lại Kinh thành. Phạm Tử Nghi bỏ kinh thành, đưa Mạc Chính Trung chạy về Hoa Dương (Hưng Yên) xưng tôn hiệu, lập triều đình, thảo hịch kể tội Nguyễn Kính. Văn võ trong triều nhiều người theo Mạc Chính Trung. Mạc Phúc Nguyên sai Mạc Kính Điển và Nguyễn Kính nhiều lần phát binh đánh Phạm Tử Nghi nhưng không được. Sau Tử Nghi bị quân Mạc đánh bại nhiều trận, đành phải đem Chính Trung ra chiếm cứ miền Yên Quảng rồi tràn sang Quảng Đông, Quảng Tây (Trung Quốc) thả quân đi cướp của, bắt người đến nỗi triều Minh cũng không kiềm chế nổi. Trong mấy năm liền, nhân dân Đông Bắc bị nạn binh lửa nhiều người phải lưu vong, đến năm 1551 Phạm Tử Nghi bị bắt và bị giết ở Yên Quảng. Vụ biến loạn này chấm dứt thì hai xứ Hải Dương và Sơn Nam mới được tạm yên (Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, 1998, tập III, tr. 125, 127).

Vụ việc Phạm Tử Nghi vừa kết thúc thì trong nội bộ triều Mạc lại tiếp tục diễn ra vụ biến loạn của Lê Bá Ly. Bá Ly là Thái tể triều Mạc, giữ chức chỉ huy Nam Đạo. Ông là một lão tướng, trọng thần chuyên giữ binh quyền tham dự triều chính, ai cũng tâm phục. Cả nhà Lê Bá Ly nhiều người giữ chức to quyền lớn trong triều đình: con trưởng của ông là Lê Khắc Thận làm phò mã triều Mạc, giữ quyền tiết chế lộ Sơn Nam, con trai thứ hai là Thuần Lương hầu chỉ huy Cấm binh, con nuôi là Tả Ngự hầu giữ vệ Cẩm y, con rể là văn phái hầu Nguyễn Quyện giữ vệ Phù Nam, thông gia là Thư quận công Nguyễn Thiến giữ chức Thượng thư bộ Lại… Sau khi cùng Mạc Kính Điển và Nguyễn Kính dẹp loạn đảng phái Phạm Tử Nghi, uy danh của Lê Bá Ly càng thêm lừng lẫy "bao nhiêu hùng binh trọng trấn đều nằm trong tay, lại cùng văn võ trong triều kết thân bè đảng, chuyên quyền hết mực. Lê Khắc Thận trấn thủ Sơn Nam lại càng chuyên quyền, phóng túng "chỉ ham chơi bời ca hát ít khi làm việc, lại cất nhà cửa lộng lẫy, sắm kiệu son lọng vàng..." (Lê Quý Đôn, 2007, tr. 359).

Cha con Phạm Quỳnh, Phạm Giao đem việc ấy tâu báo với Mạc Kính Điển và Mạc Phúc Nguyên, cho rằng Lê Khắc Thận có âm mưu làm phản nhưng lời tâu ấy gạt đi. Phạm Quỳnh, Phạm Giao tự ý đem quân nửa đêm đến vây nhà Lê Bá Ly và nhà Nguyễn Thiến, nhưng không bắt được 2 người. Lê Bá Ly sai người nhà đóng cửa cố thủ chờ cứu viện. Khi Nguyễn Quyện cùng các tướng đem hơn 6.000 quân tiến đến giao chiến ác liệt, buộc Phạm Quỳnh, Phạm Giao phải bỏ chạy đem quân về đóng ở Thịnh Liệt và cho người gọi Lê Khắc Thận ở Sơn Nam về hội quân. Lê Bá Ly cùng các tướng tộc thuộc đem quân chiếm giữ cửa Chu Tước. Kinh thành trở nên hỗn loạn. Mạc Phúc Nguyên bỏ chạy sang Bồ Đề rồi sai sứ thần dụ Bá Ly bãi binh, nhưng Bá Ly không nghe. Mạc Phúc Nguyên bèn hiệu triệu binh tướng các nơi về tiến đánh cha con Bá Ly. Được sự trợ giúp của Nguyễn Khải Khang, Lê Bá Ly đánh bại được quân Mạc.

Sau đó, Lê Bá Ly cùng Nguyễn Thiến, Nguyễn Quyện, Lê Khắc Thận, Lê Khắc Đôn đem theo các thuộc tướng và 1 vạn 4.000 quân các đạo Tây Nam vào Thanh Hoa hàng Nam Triều. Không lâu sau Nguyễn Khải Khang cũng dẫn theo 3.000 quân về quy phụ triều Lê. Các mưu thần như Đặng Huấn, võ tướng Nguyễn Hữu Liêu theo về giúp rập đều được vua Lê trọng dụng hậu đãi.

Sau sự kiện Phạm Tử Nghi gây biến loạn, Lê Bá Ly, Nguyễn Khải Khang đem binh tướng về hàng Nam Triều thì thực lực của triều Mạc suy yếu hẳn. Mạc Phúc Nguyên lấy làm lo sợ, bao nhiêu binh quyền đều ủy cả cho Mạc Kính Điển tính kế để bảo vệ từ kinh đô cho đến các xứ miền đông (Lê Quý Đôn, 2007, tr. 363).

Xét trong Hoàng tộc nhà Mạc, Mạc Cảnh Huống là con trai của Mạc Đăng Doanh, em của mạc Phúc Hải và Mạc Kính Điển. Nhà Mạc có chủ trương truyền ngôi cho con trưởng dòng đích. Mạc Đăng Dung sau một thời gian giữ ngai vàng, ông cũng truyền ngôi cho con trưởng là Mạc Đăng Doanh để lui về làm Thái Thượng hoàng. Đây là một trong những phương cách cai trị đất nước mà nhà Mạc đã học hỏi từ nhà Trần và nhà Hồ trước đó. Tuy nhiên, để tránh những xung đột, tranh chấp ngai vàng như đã từng diễn ra trong lịch sử thì nhà Mạc đã đảm bảo nguyên tắc truyền ngôi cho con trưởng dòng đích, đúng theo trật tự Nho giáo lúc bấy giờ. Mặc dù vậy, sự kiện Phạm Tử Nghi gây biến loạn, muốn đưa con thứ là Mạc Chính Trung lên ngôi cũng đã cảnh báo 1 mầm mống bất ổn trong nội bộ họ Mạc. Triều thần nhà Mạc hoàn toàn có lý do để nghi ngờ về khả năng có thể xảy ra những biến loạn tương tự trong tương lai. Nhất là khi Mạc Kính Điển ngày càng thể hiện vai trò, ảnh hưởng quá lớn trong triều đình dưới thời Mạc Phúc Nguyên và Mạc Mậu Hợp. Dưới thời Mạc Mậu Hợp, "Kính Điển giữ chức Tổng soái Trung doanh, cầm quyền chính trị khắp trong triều ngoài quận. Mậu Hợp tiến phong là Khiêm đại vương" (Lê Quý Đôn, 2007, tr. 351). Đặt trong quan hệ huyết thống thì Mạc Kính Điển và Mạc Cảnh Huống đều là những người con của Mạc Đăng Doanh, lại đều là những người có tài thao lược, được dân yêu mến. Vậy, triều thần có đặt mối nghi về một ngày xảy ra biến loạn liên quan đến 2 ông hay không. Để tránh mối nghi ngờ đó thì cách tốt nhất là rời xa Kinh thành, rời xa triều đình nhà Mạc để tìm đến 1 cuộc sống không mưu vọng đế vương. Ở vào tuổi đang trưởng thành, Mạc Cảnh Huống hoàn toàn có thể suy nghĩ đến hướng đi như thế. Ông hoàn toàn có thể suy tính được những thiệt hơn khi ở lại cùng Hoàng tộc hay tách ra gây dựng một cơ nghiệp độc lập mà không tơ tưởng đến ngai vàng Hoàng đế. Hơn nữa, trong bối cảnh mà người anh trai là Mạc Kính Điển đang có ảnh hưởng quá lớn trong triều thì Cảnh Huống cũng không muốn mình trở thành một "đối tượng" khiến triều đình phải để mắt đến trong cuộc chiến vương quyền.

Nhiều bài học lịch sử đã chỉ ra rằng hào quang của ngôi báu hoàn toàn có thể che lấp tình thân, vì ngai vàng mà anh em ruột thịt sẵn sàng tàn sát nhau để tranh đoạt. Những sự kiện ấy đã có trong nhiều vương triều quân chủ trước đó như việc Đinh Liễn là con trai lớn của Đinh Tiên Hoàng ám hại Đinh Hạng Lang khi ấy được phong Thái tử và được chỉ định sẽ nối ngôi dưới triều Đinh; năm 1005, Lê Đại Hành qua đời, các con của ông đã đánh nhau trong 8 tháng để tranh đoạt ngai vàng thời Tiền Lê; sự kiện loạn Tam vương diễn ra năm 1028 dưới thời Lý cũng vì tranh đoạt ngai vàng mà các con của Lý Thái Tổ đem quân đánh lẫn nhau; hay sự biến Lê Nghi Dân lật đổ em trai mình là Lê Nhân Tông để đoạt ngai vàng diễn ra vào năm 1459 thời Lê sơ. Ngay sự kiện xảy ra đồng thời với nhà Mạc là việc Trịnh Kiểm giết người em vợ là Nguyễn Uông (con trai trưởng của nguyễn Kim) để giành binh quyền năm 1545. Việc này đã cảnh tỉnh cho Nguyễn Hoàng về xung đột phe phái, tranh đoạt quyền lực. Nguyễn Hoàng đã chủ động xin vào trấn thủ Thuận Hóa để tránh khỏi tầm ngắm của Trịnh Kiểm. Vậy, Mạc Cảnh Huống cũng ở vào địa vị tương tự khi xung đột quyền lực trong nội bộ họ Mạc, việc Mạc Phúc Nguyên, Mạc Mậu Hợp là vua nhưng mọi quyền hành đều thuộc vào tay Mạc Kính Điển có giống với họ Lê làm vua ở Nam Triều nhưng quyền lực thực sự thuộc về Nguyễn Kim và sau này là Trịnh Kiểm. Trịnh Kiểm coi Nguyễn Hoàng là cái gai trong mắt thì liệu Mạc Kính Điển có đề phòng ảnh hưởng của Mạc Cảnh Huống hay không, cộng với những thế lực khác như Lê Bá Ly có ý định triệt hạ Cảnh Huống để giành quyền lực hay không. Tất cả những yếu tố lịch sử và thời đại đó đã tác động đến Mạc Cảnh Huống, góp phần để ông lựa chọn con đường giống Nguyễn Hoàng là tìm cách thoát ra khỏi tầm ngắm của việc tranh đoạt quyền lực, tìm kiếm 1 vùng đất bình yên để gây dựng cơ nghiệp.

2.3. Về bản thân Mạc Cảnh Huống

Theo một số nghiên cứu thì Mạc Cảnh Huống là con trai của Mạc Đăng Doanh, em trai Mạc Phúc Hải và Mạc Kính Điển, ông sinh năm 1542[1]. Ông được đánh giá là một người có tài năng, đức độ, có nhiều đóng góp cho sự nghiệp của các chúa Nguyễn trong giai đoạn đầu mở cõi. Sách Đại Nam liệt truyện tiền biên cho biết: "Cảnh Huống người huyện Nghi Dương, thuộc Hải Dương, là em Khiêm vương Mạc Kính Điển. Bà Hiếu Văn Hoàng hậu là cháu gọi Mạc Cảnh Huống bằng chú. Năm Mậu Ngọ (1558) mùa đông, Thái Tổ vào Nam, trấn thủ Thuận Hóa, Cảnh Huống đem gia quyến đi theo, làm quan đến Thống binh, tham mưu trong màn trướng. Giúp việc lúc khai quốc, công lao ngang với Nguyễn Ư Kỷ, Tống Phúc Trị. Cảnh Huống mất khi đang tại chức" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2006, tập 1, tr. 93-94).

Mạc Cảnh Huống không chỉ là người tài năng, biết nhận thức thời thế, ông có mối quan hệ khá đặc biệt với Nguyễn Hoàng. Theo tư liệu dòng họ thì năm 1564, Mạc Cảnh Huống thành thân với bà Nguyễn Thị Ngọc Dung là em gái của phu nhân Đoan quốc công Nguyễn Hoàng (Nguyễn Phước Tương, 2002, tr. 59). Như vậy, Mạc Cảnh Huống và Nguyễn Hoàng là 2 anh em "cọc chèo". Không những thế, năm 1593, một người cháu của Mạc Cảnh Huống là Mạc Thị Giai – con gái của Mạc Kính Điển cũng rời bỏ quê hương để vào Thuận Hóa theo ông. Sau đó, bà được gả cho người con trai của Nguyễn Hoàng là chúa Nguyễn Phúc Nguyên. Sử triều Nguyễn viết bà là Hoàng hậu của của Nguyễn Phúc Nguyên. Mạc Thị Giai lại có người con gái là Nguyễn Phúc Ngọc Liên được gả cho con trai của Mạc Cảnh Huống là Mạc Cảnh Vinh (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2006, tập 1, tr. 22, 94).

Như vậy, Mạc Cảnh Huống không chỉ là 1 tôn thất nhà Mạc, ông còn là một công thần khai mở Đàng Trong thời chúa Nguyễn. Mối quan hệ của ông và Nguyễn Hoàng không chỉ là việc ông theo phò tá Nguyễn Hoàng, mà còn có những mối thân tình hơn, vừa là cọc chèo, vừa là thông gia. Bởi vậy, 2 người hoàn toàn có cơ sở để tin tưởng nhau. Việc Mạc Cảnh Huống bỏ nhà Mạc để vào "phương Nam" lập nghiệp theo Nguyễn Hoàng cũng là điều không khó lý giải.

Tuy nhiên, Mạc Cảnh Huống có mặt ở Thuận Hóa vào thời điểm nào cũng là một vấn đề đáng lưu tâm. Sử nhà Nguyễn cho rằng Mạc Cảnh Huống đã gia quyến theo Nguyễn Hoàng vào Nam ngay từ năm 1558. Xét về bối cảnh thì năm 1558 Mạc Cảnh Huống khi ấy mới 16 tuổi, chưa có gia đình thì không thể "đem theo gia quyến" được. Hơn nữa, Nguyễn Hoàng xuất phát từ Thanh Hoa thuộc đất Nam Triều để vào Thuận Hóa nhận nhiệm vụ trấn trị vùng đất này. Trong khi Mạc Cảnh Huống là tôn thất nhà Mạc, quê ở Nghi Dương (nay thuộc Hải Phòng), ông không thể đi từ Nghi Dương với tư cách là tôn thất nhà Mạc vào kinh đô của Nam Triều để đi cùng Nguyễn Hoàng, mà chỉ có thể đi trực tiếp tự Bắc Triều vào thẳng Thuận Hóa. Thời điểm năm 1558, giữa Mạc Cảnh Huống và Nguyễn Hoàng cũng chưa có mối quan hệ "cọc chèo" thân tình để ông có thể tin tưởng mà đi theo Nguyễn Hoàng - một tướng lĩnh của Nam Triều trong khi cuộc chiến tranh đang diễn ra gay go quyết liệt. Bởi vậy, Mạc Cảnh Huống chỉ có thể vào Thuận Hóa sau năm 1564, khi ông đã thành gia thất với bà Nguyễn Thị Ngọc Dương, có mối quan hệ chính thức với Nguyễn Hoàng. Như vậy, rất có thể Mạc Cảnh Huống đã vào Thuận Hóa vào năm 1568 như trong một số tài liệu đã ghi chép (Nguyễn Phước Tương, 2002, tr. 59).

Một nhân tố nữa ảnh hưởng đến việc lựa chọn con đường Nam tiến của Mạc Cảnh Huống chính là ở bản tính của ông. Cảnh Huống tuy là người có tài năng, giỏi mưu lược, nhưng trong tâm tính ông lại là một người thiện lành, sùng mộ đạo phật. Ông đã giúp cho làng Cổ Trai (Quảng Trị) xây dựng một ngôi chùa gọi là Lam Sơn Phật Tự. Sau khi từ quan, Mạc Cảnh Huống về sống ở làng Trà Kiệu (Quảng Nam), ông cho trùng tu ngôi chùa trên đồi Bảo Châu có tên gọi là Bảo Sơn Phúc hay Bảo Châu Sơn Tự và trụ trì với pháp danh Thuyền Cảnh Chân Tu. Chính thiện tính này đã giúp cho ông kìm giữ được bản thân, không tham vọng quá lớn vào sự nghiệp chính trị hay tranh đoạt quyền lực một cách bất chấp mà ông đã chọn cuộc đời thảnh thơi, yên bình, hết lòng phò tá chúa Nguyễn mở mang đất Thuận - Quảng, không tơ hào địa vị cao sang trong Hoàng tộc.

Xem tiếp trang 223

1) Cũng có ý kiến cho là Mạc Cảnh Huống và Mạc Kính Điển là con Mạc Phúc Hải. Về năm sinh của Mạc Cảnh Huống thì các bộ chính sử thời quân chủ Việt Nam đều không ghi chép. Tài liệu gia phả và một số nhà nghiên cứu cho là ông sinh năm 1542, nhưng nếu ông là con của Mạc Đăng Doanh thì theo sử liệu Mạc Đăng Doanh qua đời năm 1540, không thể có người con nào lại được sinh ra vào năm 1542 được?